| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN N**<br>**TỈNH NINH BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 40/2018/QĐST-HNGĐ | *Nho Quan, ngày 28 tháng 03 năm 2018.* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2018/TLST/HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa:

**Nguyên đơn:** Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

**Bị đơn:** Chị Đinh Thị Bích N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Y, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/216/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 03 năm 2018.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 03 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Ngọc T và chị Đinh Thị Bích N.**

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

***2.1 Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn:*** anh T được trực tiếp nuôi con chung là cháu Phạm Ngọc K, sinh ngày 10/3/2014, hiện nay đang ở với chị N.

Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh T.

Sau khi ly hôn chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp chị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị N.

***2.2 Về tài sản chung – công nợ chung:*** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***2.3 Về án phí ly hôn sơ thẩm:*** Anh T nhận nộp cả theo quy định của Pháp luật là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2013/0000701 ngày 26/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Nay trả lại cho anh T 150.000 đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**THẨM PHÁN**
***(đã ký)***

**HÀ MINH LỰC**